

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

**Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty mẹ và Công ty con năm 2020
kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 35
- Ban bản hợp HĐQT đánh giá chỉ tiêu tài chính kèm theo	



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần SPI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty mẹ và Công ty con năm 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

Công ty Cổ Phần SPI được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 2801330959; cấp ngày 13 tháng 04 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng xe ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Chuẩn bị mặt bằng; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Khai thác và thu gom than cứng, than non; Dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Dịch vụ khoan nổ mìn; Sản Xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Bán phụ tùng, các bộ phận phụ trợ xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy nội địa; Trồng và chăm sóc rừng; Đại lý môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **168.150.000.000 VND**

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2020: **168.150.000.000 VND**

Hội đồng quản trị Công ty tại kỳ lập báo cáo tài chính gồm:

Ông : Trần Thái Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông : Nguyễn Văn Trường	Thành viên
Bà : Mai Lệ Thủy	Thành viên
Ông : Nguyễn Mai Dương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/07/2020)
Ông : Trần Đại Nghĩa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/07/2020)
Ông : Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/07/2020)
Bà : Đặng Minh Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/07/2020)

Ban giám đốc Công ty tại kỳ lập báo cáo tài chính gồm:

Ông : Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc
Bà : Mai Lệ Thủy	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát Công ty tại kỳ lập báo cáo tài chính gồm:

Bà : Nguyễn Thị Thanh Hương	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 15/07/2020)
Bà : Bùi Thúy Mai Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/07/2020)
Bà : Nguyễn Thị Ngân	Thành viên
Bà : Trần Trúc Uyên	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 15/07/2020)
Bà : Huỳnh Thị Thúy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/07/2020)

Kế toán trưởng tại kỳ lập báo cáo tài chính

Ông : Nguyễn Văn Trường



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban lãnh đạo nhiệm kỳ hiện tại cam kết, chịu trách nhiệm về sử dụng hiệu quả tài sản hiện có của Công ty trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo đủ nghĩa vụ cho toàn bộ các khoản nợ phải trả.

Tp. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2021

TM. BAN GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TUẤN ANH



Số: 387/BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần SPI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SPI, được lập ngày 27 tháng 01 năm 2021, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 19 tháng 4 năm 2021


**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám Đốc


LÊ ĐÌNH ÁI

Số Giấy CNĐKHNKT 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên



LÊ VĂN THẮNG

Số Giấy CNĐKHNKT 0974-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		160.194.333.335	247.712.510.787
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.998.341.633	2.772.002.243
1	Tiền	111		1.998.341.633	2.772.002.243
2	Các khoản tương đương tiền	112			
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1	Chứng khoán kinh doanh	121			
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.479.034.508	190.049.912.910
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	68.332.832.960	132.981.635.998
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	9.583.453.526	1.829.839.566
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	44.000.000.000	39.000.000.000
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	19.705.581.292	18.486.350.366
7	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.06	(12.142.833.270)	(2.247.913.020)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	28.708.888.675	54.772.930.348
1	Hàng tồn kho	141		28.708.888.675	54.772.930.348
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	V.08	8.068.519	117.665.286
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.066.239	117.663.006
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.280	2.280
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5	Tài sản ngắn hạn khác	155			
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.526.853.684	71.004.318.923
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6	Phải thu dài hạn khác	216			
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			



Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		286.156.264	563.621.503
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	286.156.264	563.621.503
	- Nguyên giá	222		13.766.170.000	13.766.170.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.480.013.736)	(13.202.548.497)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
	- Nguyên giá	228		200.000.000	200.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(200.000.000)	(200.000.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		28.900.000.000	28.900.000.000
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	28.900.000.000	28.900.000.000
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1	Đầu tư vào công ty con	251			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3	Đầu tư góp vốn vào công ty khác	253			
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
V.	Tài sản dài hạn khác	260	V.12	34.340.697.420	41.540.697.420
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		34.340.697.420	41.540.697.420
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4	Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		223.721.187.019	318.716.829.710



Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		72.012.695.239	151.511.255.943
I.	Nợ ngắn hạn	310		71.788.695.239	151.287.255.943
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	45.704.275.615	149.112.573.179
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	10.367.664.310	1.188.015.610
3	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	V.15	360.280.137	360.280.137
4	Phải trả người lao động	314			
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	206.088.160	176.000.000
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	15.000.000.000	300.000.000
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		150.387.017	150.387.017
13	Quỹ bình ổn giá	323			
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II.	Nợ dài hạn	330		224.000.000	224.000.000
1	Phải trả người bán dài hạn	331			
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3	Chi phí phải trả dài hạn	333			
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7	Phải trả dài hạn khác	337	V.17	224.000.000	224.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9	Trái phiếu chuyển đổi	339			
10	Cổ phiếu ưu đãi	340			
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			



Đơn vị tính: VND

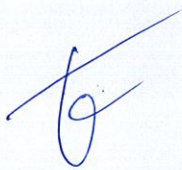
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.708.491.780	167.205.573.767
I.	Vốn chủ sở hữu	410		151.708.491.780	167.205.573.767
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	168.150.000.000	168.150.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.150.000.000	168.150.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2	Thặng dư vốn cổ phần	412			
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	451.161.049	451.161.049
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	(16.892.669.269)	(1.395.587.282)
	- LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.395.587.282)	(1.607.653.097)
	- LNST CPP kỳ này	421b		(15.497.081.987)	212.065.815
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2	Nguồn kinh phí	431			
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		223.721.187.019	318.716.829.710

30501720
 CÔNG T
 CH NHIỆM HỮ
 H VỤ TƯ
 CHÍNH KẾ
 VÀ KIỂM TO
 PHÍA NAI
 I - T.P.HỒ

Lập, ngày 19 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Trường

Nguyễn Văn Trường



GIÁM ĐỐC
 NGUYỄN TUẤN ANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

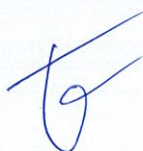
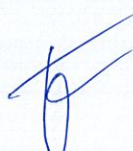
TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	120.116.781.767	115.235.123.507
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		120.116.781.767	115.235.123.507
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	119.338.561.428	107.197.523.435
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		778.220.339	8.037.600.072
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.894.080.366	2.350.121.207
7	Chi phí tài chính	22	VI.04	380.625.000	29.102.891
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		380.625.000	22.500.000
8	Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty Liên doanh, liên kết	24			
9	Chi phí bán hàng	25	VI.05	267.858.907	205.000.000
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	17.520.898.785	9.965.965.350
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.497.081.987)	187.653.038
12	Thu nhập khác	31	VI.07		77.429.231
13	Chi phí khác	32			
14	Lợi nhuận khác	40		-	77.429.231
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(15.497.081.987)	265.082.269
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	53.016.454
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15.497.081.987)	212.065.815
19	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(15.497.081.987)	212.065.815
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	(922)	13
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Lập, ngày 19 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

Nguyễn Văn Trường

Nguyễn Văn Trường



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	(15.497.081.987)	265.082.269
2	Điều chỉnh cho các khoản			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	277.465.239	371.000.318
-	Các khoản dự phòng	03	9.894.920.250	(5.001.680.191)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.894.080.366)	(2.350.121.207)
-	Chi phí lãi vay	06	380.625.000	
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(6.838.151.864)	(6.715.718.811)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	55.785.554.919	(50.541.673.642)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	26.064.041.673	(26.171.989.956)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(94.198.560.704)	81.813.960.788
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.200.000.000	7.200.000.000
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(380.625.000)	
-	Thuế TNDN đã nộp	15	-	(22.931.396)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(60.170.116)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.367.740.976)	5.501.476.867
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(88.000.000.000)	(58.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	83.000.000.000	51.100.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.894.080.366	2.350.121.207
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.105.919.634)	(4.549.878.793)

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

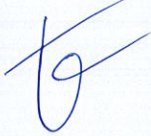
Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

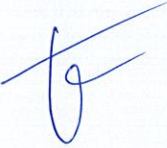
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		
3	Tiền thu từ đi vay	33	15.000.000.000	
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	(300.000.000)	
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.700.000.000	-
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)	50	(773.660.610)	951.598.074
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.772.002.243	1.820.404.169
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	1.998.341.633	2.772.002.243

Lập, ngày 19 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Trường


Nguyễn Văn Trường



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TUẤN ANH

050172
CÔNG T
NHÌEM HỮ
H VỤ TỰ
CHÍNH KẾ
A KIỂM TO
PHÍA NAM
- LP HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần SPI được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 2801330959; cấp ngày 13 tháng 04 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Khai thác, Sản xuất, Thương mại và Xây dựng.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng xe ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Chuẩn bị mặt bằng; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Khai thác và thu gom than cứng, than non; Dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Dịch vụ khoan nổ mìn; Sản Xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Bán phụ tùng, các bộ phận phụ trợ xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy nội địa; Trồng và chăm sóc rừng; Đại lý môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến BCTC.

Trong năm Công ty thực hiện việc sắp xếp lại hoạt động Công ty (bao gồm các công việc thu hồi nợ, xử lý hàng tồn kho và các công việc khác) đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty.

Ngoài các nội dung nêu trên, không còn có các thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2019.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một văn phòng, một địa điểm kinh doanh và một Công ty con.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Cơ sở của kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối

với ngân sách Nhà nước.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3- Các căn cứ pháp lý làm cơ sở để hợp nhất báo cáo

- Chuẩn mực kế toán số 07 – Đầu tư vào Công ty Liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con
- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các chính sách, nguyên tắc kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phân giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh;



Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không phát sinh dự phòng đầu tư tài chính.

3- Nguyên tắc ghi nhận Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều các khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là giá trị ước tính phân bổ do vật tư, hàng hóa bị giảm giá, hư hỏng, mất trong hoạt động kinh doanh.

5- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 12 năm
- Máy móc, thiết bị	Hết khấu hao
- Phương tiện vận tải	Hết khấu hao
- Thiết bị văn phòng	Hết khấu hao
- Tài sản cố định vô hình	Hết khấu hao

6- Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

- *Chi phí trả trước ngắn hạn:* Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- *Chi phí trả trước dài hạn*: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực



kế toán “Chi phí đi vay”.

11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi:* Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý



TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

13- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

14- Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15- Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

19- Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

20- Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

21- Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

22- Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**01- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.964.511.898	1.697.705.198
- Tiền gửi ngân hàng bằng VND	33.829.735	1.074.297.045
Cộng	1.998.341.633	2.772.002.243

02- PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Hải Sơn	13.939.032.500	14.259.032.500
- Công ty CP Thạch Phát Phú Thọ	981.973.400	10.231.973.400
- Công ty CP Phân Bón Hasco	5.993.256.000	5.993.256.000
- Công ty CP Sao Hoàng Gia	124.352.003	5.146.962.866
- Công ty TNHH TM Hưng Lợi	1.251.110.000	1.251.110.000
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Quốc tế Anh Quân	15.910.838.800	15.910.838.800
- Công ty CP Thương mại Xây dựng Trần Huy	13.434.335	9.448.871.510
- Công ty TNHH Thương mại Vĩnh Đạt	1.942.000	7.170.750.000
- Công ty TNHH Thủy Linh Sơn	15.627.000.000	15.627.000.000
- Công ty TNHH MTV SX TM Dịch vụ Thành Gia	32.983.067.500	32.983.067.500
- Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư XNK Thiên Ý	967.052.400	5.956.752.400
- Công ty TNHH MTV TM&DV DL Trần Hoàng Quân	6.190.987.522	6.190.987.522
- Công ty CP Thương mại Thủy Nguyên	3.725.000	3.725.000
- Các khách hàng khác	5.882.900.300	2.807.308.500
Cộng	68.332.832.960	132.981.635.998

03- TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Chứng Khoán Đại Dương	70.011.000	70.011.000
- Công ty CP Thương mại Thủy Nguyên	1.838.342.300	1.838.342.300
- Công ty Cp Đầu tư và TM VNT	33.900.000	33.900.000
- Công ty CP Tập đoàn Công nghiệp VN1	3.356.981.566	1.456.981.566
- Công ty TNHH MTV Phi Thuyền	2.921.510.130	2.921.510.130
- Các khách hàng khác	1.362.708.530	268.947.000
Cộng	9.583.453.526	1.829.839.566

04- PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyễn Duy Hưng (a)	12.000.000.000	9.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Đỗ Xuân Thái	(b)	10.000.000.000	9.000.000.000
- Hoàng Anh Tuấn	(c)	14.000.000.000	11.000.000.000
- Nguyễn Thị Bích	(d)	8.000.000.000	10.000.000.000

Cộng		44.000.000.000	39.000.000.000
-------------	--	-----------------------	-----------------------

- (a) Đây là khoản Công ty cho cá nhân vay được thực hiện theo hợp đồng vay số 29.12-3/2020 ngày 29 tháng 12 năm 2020, hợp đồng được ký kết giữa Ông Nguyễn Duy Hưng và Công ty Cổ phần SPI, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.
- (b) Đây là khoản Công ty cho cá nhân vay được thực hiện theo hợp đồng vay số 29.12-2/2020 ngày 29 tháng 12 năm 2020, hợp đồng được ký kết giữa Ông Đỗ Xuân Thái và Công ty Cổ phần SPI, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.
- (c) Đây là khoản Công ty cho cá nhân vay được thực hiện theo hợp đồng vay số 29.12-1/2020 ngày 29 tháng 12 năm 2020, hợp đồng được ký kết giữa Ông Hoàng Anh Tuấn và Công ty Cổ phần SPI, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.
- (d) Đây là khoản Công ty cho cá nhân vay được thực hiện theo hợp đồng vay số 29.12-4/2020 ngày 29 tháng 12 năm 2020, hợp đồng được ký kết giữa Bà Nguyễn Thị Bích và Công ty Cổ phần SPI, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7.5% / năm tính từ ngày nhận tiền vay.

05- PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số dự phòng	Giá trị	Số dự phòng
- Phải thu tạm ứng (TK 141)	16.300.535.366		6.406.370.366	
- Trần Văn Báu	1.162.045.926		5.423.004.530	
- Bùi Thúy Mai Hồng	2.243.000.000		2.543.000.000	
- Các khoản phải thu khác			4.113.795.470	
- Phải thu BHXH (Dự nợ TK 3383)			180.000	
Cộng	19.705.581.292	-	18.486.350.366	-

06- NỢ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số dự phòng	Giá trị	Số dự phòng
Công ty TNHH DVTM và ĐT Phương Nar	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Hải Sơn	824.695.500	824.695.500	1.144.695.000	297.620.700
Công ty CP Phân bón HASCO	5.993.256.000	5.993.256.000	5.993.256.000	1.597.303.720
Công ty TNHH Thương mại Hưng Lợi	1.251.110.000	1.251.110.000	1.251.110.000	325.288.600
Công ty TMDV Triệu Phát	7.700.000	7.700.000	7.700.000	7.700.000
Công ty TNHH MTV SXTMDV Thành Gi	32.983.067.500	4.046.071.770		
	41.079.829.000	12.142.833.270	8.416.761.000	2.247.913.020

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

07- HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Chi phí SXKD dở dang	1.619.979.522		1.342.514.283	
- Thành phẩm			1.716.883.857	
- Hàng hóa	27.088.909.153		51.713.532.208	
Cộng	28.708.888.675	-	54.772.930.348	-

08- TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

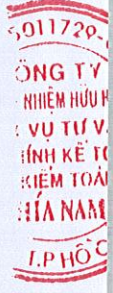
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	8.066.239		117.663.006	
- Thuế còn phải thu (thuế nộp thừa)	2.280		2.280	
Cộng	8.068.519	-	117.665.286	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

09- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa - Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	7.947.188.000	4.920.899.091	698.342.000	199.740.909	13.766.170.000
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua sắm mới					
- Tăng do đầu tư XD CB hoàn thành					
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý					
4. Số dư cuối năm	7.947.188.000	4.920.899.091	698.342.000	199.740.909	13.766.170.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	7.383.566.497	4.920.899.091	698.342.000	199.740.909	13.202.548.497
2. Số tăng trong năm	277.465.239	-	-	-	277.465.239
- Khấu hao trong năm	277.465.239				277.465.239
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý					
4. Số dư cuối năm	7.661.031.736	4.920.899.091	698.342.000	199.740.909	13.480.013.736
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
1. Tại ngày đầu năm	563.621.503	-	-	-	563.621.503
2. Tại ngày cuối năm	286.156.264	-	-	-	286.156.264



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

10- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền khai thác mỏ đá	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	200.000.000	200.000.000
2. Số tăng trong kỳ	-	-
- Mua sắm mới		
- Tăng do đầu tư XD CB hoàn thành		
3. Số giảm trong kỳ	-	-
- Giảm do thanh lý		
4. Số dư cuối kỳ	200.000.000	200.000.000
II. Số dư đầu năm	200.000.000	200.000.000
2. Số tăng trong kỳ	-	-
- Khấu hao trong kỳ		
3. Số giảm trong kỳ	-	-
- Giảm do thanh lý		
4. Số dư cuối kỳ	200.000.000	200.000.000
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

11- CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dự án trồng rừng tại Yên Bái (*)	28.900.000.000	28.900.000.000
Cộng	28.900.000.000	28.900.000.000

(*) Đây là dự án đầu tư phát triển và trồng măng tre Đầm trúc tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo giấy chứng nhận đầu tư số 16102100024 được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp ngày 30/06/2015. Đến nay dự án chưa đi vào hoạt động, nên số liệu này vẫn được hạch toán và theo dõi trên chi tiêu chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại báo cáo tài chính của Công ty con từ các năm tài chính trước chuyển sang.

12- CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lợi thế thương mại (*)	34.340.697.420	41.540.697.420
Cộng	34.340.697.420	41.540.697.420

(*) Đây là Khoản giá trị lợi thế thương mại được ghi nhận và hạch toán từ năm 2013, 2014 do việc hoán đổi cổ phiếu để đầu tư vào Công ty con (Hiện là "Công ty TNHH MTV Môi Trường Quốc Bảo"). Giá trị phân bổ vào chi phí Công ty thực hiện theo giá trị ghi sổ ban đầu tương ứng với số năm được phân bổ theo quy định.

13- PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp	-	-	10.290.663.900	10.290.663.900
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng & XNK Tuấn Thành	9.894.265.000	9.894.265.000	9.894.265.000	9.894.265.000
- Công ty TNHH Nông sản Bình Định	7.286.000.000	7.286.000.000	7.286.000.000	7.286.000.000
- Công ty Cp KD - TM Song Phúc	76.551.710	76.551.710	9.352.551.710	9.352.551.710
- Công ty Cp Đầu tư XDTM và XNK Sài Gòn	2.385.487.872	2.385.487.872	-	-
- Công ty Cp Thương Mại Thủy Nguyên	-	-	26.433.970.000	26.433.970.000
- Công ty TNHH Phúc Điền	-	-	11.182.150.650	11.182.150.650
- Công ty TNHH TM Điện tử Tín Phát	11.330.310.261	11.330.310.261	15.839.384.099	15.839.384.099
- Công ty TNHH TM Minh An Sài Gòn	691.558.251	691.558.251	25.629.049.545	25.629.049.545
- Công ty TNHH MTV Phi Thuyền	-	-	25.849.764.870	25.849.764.870
- Công ty TNHH MTV Phân bón Quốc tế Âu Việt	6.051.134.400	6.051.134.400	6.051.134.400	6.051.134.400
- Các khách hàng khác	7.988.968.121	7.988.968.121	1.303.639.005	1.303.639.005
Cộng	45.704.275.615	45.704.275.615	149.112.573.179	149.112.573.179

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

14- NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Quốc Tế Anh Quân	3.261.161.200	
Công ty CP Tập đoàn Công nghiệp VNI	3.491.097.000	
Công ty TNHH Thủy Linh Sơn	1.997.390.500	
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phương Nhi	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH TM Dược phẩm Y Khoa	794.375.000	794.375.000
Các khách hàng khác	623.640.610	193.640.610
Cộng	10.367.664.310	1.188.015.610

15- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP CHO NN

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	360.280.137	-	-	360.280.137
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	360.280.137	6.000.000	6.000.000	360.280.137

Ghi chú:

- Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế khi thực hiện việc quyết toán thuế.

16- PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	30.088.160	
Ông Trần Đại Nghĩa (Tại Công ty con)	176.000.000	176.000.000
Cộng	206.088.160	176.000.000

17- NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả khác dài hạn	224.000.000	224.000.000
Cộng	224.000.000	224.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

18- VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đối tượng vay	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Nguyễn Hoàng Lâm	-	-		300.000.000	300.000.000	300.000.000
- Nguyễn Thị Kim Oanh	18.1	3.000.000.000	3.000.000.000			
- Huỳnh Thị Thúy	18.2	5.000.000.000	5.000.000.000			
- Lê Thanh Tịnh	18.3	7.000.000.000	7.000.000.000			
Cộng		15.000.000.000	15.000.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000

18.1/ Đây là khoản vay thực hiện theo hợp đồng vay được ký ngày 01/10/2020 giữa Công ty Cổ phần SPI và bà Nguyễn Thị Kim Oanh với các điều khoản:
Số tiền vay 3.000.000.000

Lãi suất: 10% / năm (không thay đổi trong thời hạn hợp đồng)
Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

18.2/ Đây là khoản vay thực hiện theo hợp đồng vay được ký ngày 01/10/2020 giữa Công ty Cổ phần SPI và bà Huỳnh Thị Thúy với các điều khoản:
Số tiền vay 5.000.000.000

Lãi suất: 10% / năm (không thay đổi trong thời hạn hợp đồng)
Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

18.3/ Đây là khoản vay thực hiện theo hợp đồng vay được ký ngày 01/10/2020 giữa Công ty Cổ phần SPI và bà Lê Thanh Tịnh với các điều khoản:
Số tiền vay 7.000.000.000

Lãi suất: 10% / năm (không thay đổi trong thời hạn hợp đồng)
Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

19- VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước 1/1/2019	168.150.000.000	451.161.049	(1.607.653.097)	166.993.507.952
Tăng vốn trong năm trước				-
Lãi trong năm trước			212.065.815	212.065.815
Tăng khác				-
Giảm vốn trong năm trước				-
Lỗ trong năm trước				-
Giảm khác (Do điều chỉnh hợp nhất)				-
Số dư đầu năm nay 1/1/2020	168.150.000.000	451.161.049	(1.395.587.282)	167.205.573.767
Tăng vốn trong năm nay				-
Lãi trong năm nay				(15.497.081.987)
Tăng khác (Do điều chỉnh hợp nhất)				-
Giảm vốn trong năm nay				-
Lỗ trong năm nay				-
Giảm khác (Do điều chỉnh hợp nhất)				-
Số dư cuối năm nay 31/12/2020	168.150.000.000	451.161.049	(16.892.669.269)	151.708.491.780

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
-	Vốn góp của các cổ đông	168.150.000.000	168.150.000.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu		168.150.000.000	168.150.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+	Vốn góp đầu năm	168.150.000.000	168.150.000.000
+	Vốn góp tăng trong kỳ		
+	Vốn góp giảm trong kỳ		
+	Vốn góp cuối kỳ	168.150.000.000	168.150.000.000
-	Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
d. Cổ phiếu		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
-	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.815.000	16.815.000
-	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.815.000	16.815.000
+	Cổ phiếu phổ thông	16.815.000	16.815.000
+	Cổ phiếu ưu đãi		
-	Số lượng cổ phiếu mua lại		
+	Cổ phiếu phổ thông		
+	Cổ phiếu ưu đãi		
-	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.815.000	16.815.000
+	Cổ phiếu phổ thông	16.815.000	16.815.000
+	Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng / cổ phiếu).

đ. Cổ tức		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
-	Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+	Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+	Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
-	Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

Ghi chú: Công ty chưa công bố cổ tức được chia năm 2020.

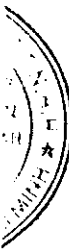
CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

e. Các quỹ của doanh nghiệp	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	451.161.049	451.161.049

20- CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của TS không hủy ngang		
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ các loại		
Nợ khó đòi đã xử lý		

Ghi chú: Công ty không có tài sản ngoài bảng

**VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

01- DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CCDV	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng và dịch vụ	120.116.781.767	115.235.123.507
Cộng	120.116.781.767	115.235.123.507

02- GIÁ VỐN HÀNG BÁN	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ	119.338.561.428	114.377.105.646
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.179.582.211)
Cộng	119.338.561.428	107.197.523.435

03- DOANH THU TÀI CHÍNH	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	330.366	121.207
- Lãi tiền cho vay cá nhân	1.893.750.000	2.350.000.000
Cộng	1.894.080.366	2.350.121.207

04- CHI PHÍ TÀI CHÍNH	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí tài chính khác		6.602.891
- Chi phí lãi vay cá nhân	380.625.000	22.500.000
Cộng	380.625.000	29.102.891

CÔNG TY CỔ PHẦN SPI

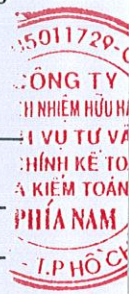
Địa chỉ: 54 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

05- CHI PHÍ BÁN HÀNG	Năm nay	Năm trước
- Chi phí bằng tiền khác	267.858.907	205.000.000
Cộng	267.858.907	205.000.000
06- CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	303.365.544	480.748.068
- Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	6.000.000
- Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi	9.894.920.250	2.177.902.020
- Chi phí phân bổ	7.200.000.000	7.200.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.588.000	15.365.628
- Chi phí khác bằng tiền	43.024.991	85.949.634
Cộng	17.520.898.785	9.965.965.350
07- THU NHẬP KHÁC	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập về các khoản không phải trả		77.429.231
Cộng	-	77.429.231
08- CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu (Gồm cả giá vốn thương mại)	119.338.561.428	114.377.105.646
Chi phí nhân công	303.365.544	480.748.068
Chi phí khấu hao TSCĐ	277.465.239	371.000.318
Chi phí phân bổ	7.200.000.000	7.200.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	341.446.907	223.365.628
Chi phí bằng tiền khác	46.024.991	85.949.634
Cộng	127.506.864.109	122.738.169.294
09- LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.497.081.987)	212.065.815
- Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.815.000	16.815.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(922)	13

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01- Tiền chi và thu hồi khoản cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác hạch toán qua quỹ tiền mặt	Năm nay	Năm trước
- Tiền chi cho các khoản cho vay đối tượng cá nhân	(88.000.000.000)	(58.000.000.000)
- Tiền thu về từ các khoản cho vay đối tượng cá nhân	83.000.000.000	51.100.000.000

02- Các khoản đi vay và trả nợ vay với các đối tượng cá nhân hạch toán qua quỹ tiền mặt	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay	15.000.000.000	
- Tiền trả nợ gốc vay	(300.000.000)	



VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01- Thông tin về các bên liên quan

a/ Bên liên quan là các thành viên quản lý

Bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát

Các giao dịch với các bên có liên quan

Các bên liên quan	Nội dung	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát	- Lương và các khoản phụ cấp	172.000.000

Các khoản chi cho Ban lãnh đạo Công ty cũng được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

b/ Bên liên quan là pháp nhân

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ
Công ty TNHH MTV Môi trường Quốc Bảo	Công ty con	100%

Các giao dịch về mua bán hàng hóa với các bên có liên quan trong năm 2020: Không có

02- Thông tin về Báo cáo bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

03- Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

04- Số liệu so sánh

- Số liệu chi tiết của một số chỉ tiêu trên thuyết minh báo cáo tài chính (Số đầu năm) có thể được trình bày và phân loại lại số dư để phù hợp với số liệu so sánh đến cuối năm theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 Ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam AASCS kiểm toán.

05- Thông tin khác

Theo biên bản họp của Hội đồng quản trị số 89/BB-HĐQT.SPI ngày 31/12/2020 V/v đánh giá các khoản mục tài chính của Công ty cho việc lập báo cáo tài chính năm 2020. Biên bản đính kèm báo cáo này được coi như bản phụ lục để người đọc hiểu rõ hơn về báo cáo tài chính và trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SPI.

Lập, ngày 19 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Văn Trường

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trường

Giám Đốc



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TUẤN ANH

Số: 89 /BB-HĐQT.SPI

Tp. HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SPI**

V/v: *Đánh giá các khoản mục tài chính của Công ty cho việc lập báo cáo tài chính năm 2020*

Căn cứ pháp lý:

- Điều lệ Công ty Cổ phần cổ phần SPI;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020 của công ty cổ phần SPI tại ngày 31/12/2020;

Hôm nay, ngày 31/12/2020, vào hồi 10h00 tại trụ sở văn phòng của Công ty Cổ phần SPI: Số 54 Thăng Long, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Hội đồng quản trị của Công ty đã tiến hành cuộc họp.

Thành phần Hội đồng quản trị tham dự:

- | | | | |
|----|-----------------------|---|------------------------------|
| 1. | Ông Trần Thái Bình | - | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. | Ông Nguyễn Văn Trường | - | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 3. | Bà Mai Lệ Thủy | - | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 4. | Ông Nguyễn Tuấn Anh | - | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 5. | Ông Đặng Minh Phương | - | Thành viên Hội đồng Quản trị |

Thành phần Đại biểu tham dự:

- 1 Bà Mai Lệ Thủy - Thư ký cuộc họp

A. Nội dung cuộc họp

Đề phục vụ cho việc quyết toán lập Báo cáo tài chính năm 2020. Hội đồng quản trị thực hiện việc đánh giá các khoản mục tài chính:

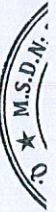
1. Đánh giá đầu tư thông qua đầu tư vào Công ty con:

1.1. Khái quát

Đầu tư phát triển và trồng măng tre diêm trúc tại huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái (Theo quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 16102100024 ngày 30 tháng 06 năm 2015)

Ngay sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án phát triển và trồng măng tre diêm trúc, Công ty TNHH MTV Môi trường Quốc Bảo đã phối hợp với bà con địa phương tại xã Thượng Bằng La tiến hành trồng thử nghiệm (Công ty cung cấp giống, phân bón và hỗ trợ tiền công cho bà con trồng và chăm sóc) tại các thôn:

Thôn Yên Hưng: 10 ha, Thôn Dạ: 30 ha, Thôn Bắc: 15 ha, Thôn Vằm: 10 ha, Thôn Hán: 10 ha, Thôn Thiên Bửu: 7 ha, Thôn Văn Tiên: 2 ha, Thôn Đá Đỏ: 3ha, Thôn Mỏ: 3ha thuộc xã Thượng Bằng La.



Hiện tại việc trồng thử nghiệm cũng có những kết quả để làm cơ sở tiếp tục đầu tư và mở rộng trồng nhân rộng cho Dự án.

Ý kiến của các Thành viên HĐQT: Dự án này đã thực hiện qua nhiều năm, các thông tin cũng đã được báo cáo, công bố từ khi thực hiện, tại kỳ lập báo cáo năm 2020 HĐQT thống nhất số liệu ghi nhận hiện tại trên báo cáo tài chính của Công ty.

1.2. Hoạt động kinh doanh của Công ty con

Công ty TNHH MTV Môi Trường Quốc Bảo là Công ty con đứng tên làm chủ đầu tư dự án, dự án trong quá trình kiểm tra thực nghiệm, nên không phát sinh Doanh thu. Đối với khoản Phải thu, Phải trả từ hoạt động kinh doanh của Công ty từ các năm trước có liên quan đến Dự án, Công ty đang theo dõi để tiến hành chuyển đổi hoặc xử lý thu hồi.

2. Đánh giá lợi thế Thương mại:

Khoản giá trị lợi thế thương mại được ghi nhận và hạch toán từ năm 2013, 2014 do việc hoán đổi cổ phiếu để đầu tư vào Công ty con (Hiện là "Công ty TNHH MTV Môi Trường Quốc Bảo"). Giá trị phân bổ vào chi phí Công ty thực hiện theo giá trị ghi sổ ban đầu tương ứng với số năm được phân bổ theo quy định.

Ý kiến của các Thành viên HĐQT : Khoản này liên quan và phát sinh từ khi đầu tư vào Công ty con, hiện Công ty con đang trong quá trình tái cơ cấu, thử nghiệm dự án. Năm 2020 việc phân bổ vào chi phí không có thay đổi so với năm trước.

3. Đánh giá khác khoản đầu tư cho vay.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có dòng tiền nhàn rỗi đã thực hiện cho vay và tạo Doanh thu hoạt động tài chính đối với các khoản đầu tư cho vay. Các khoản này trong năm tiếp theo thực hiện đầu tư đối với các Dự án của Công ty.

Ý kiến của các Thành viên HĐQT: HĐQT đã thống nhất Ủy quyền giao cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản của Công ty, chịu trách nhiệm với các Cổ đông về hiệu quả việc sử dụng tài sản, nguồn vốn

4. Đánh giá các khoản đi vay bổ sung vốn lưu động.

Tại giai đoạn cuối năm 2020. Do các khoản đầu tư cho vay theo hợp đồng chưa đến kỳ hạn, Nên Công ty thực hiện vay các đối tượng cá nhân để bổ sung vốn lưu động. Các khoản này trong kỳ tiếp theo khi thu hồi đầu tư cho vay sẽ thanh toán .

Ý kiến của các Thành viên HĐQT: HĐQT đã thống nhất Ủy quyền giao cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản của Công ty, chịu trách nhiệm với các Cổ đông về hiệu quả việc sử dụng tài sản, nguồn vốn

5. Đánh giá về hàng tồn kho



133095

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SPL

TP. HỒ CHÍ MINH

Hàng tồn kho của Công ty đa phần là hàng đang thực hiện gửi kho theo các hợp đồng Ký gửi hàng hóa giữa Công ty CP SPI và các đơn vị có diện tích kho, địa điểm kho phù hợp với nhu cầu của Công ty SPI. Định kỳ giữa Công ty CP SPI và các đơn vị nhận ký gửi hàng hóa thực hiện kiểm kê đầy đủ.

Ý kiến của các Thành viên HĐQT: Trong các năm tiếp theo Công ty vẫn tiếp tục thực hiện ký gửi hàng hóa, mặt khác Ban lãnh đạo Công ty xem xét đến việc thuê kho để nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh

B. Ý kiến biểu quyết của thành viên dự họp

1. Đồng ý 100% với các nội dung cuộc họp và ý kiến đóng góp cho từng khoản mục nêu trên
2. Nội dung cuộc họp này chỉ nhằm mục đích làm rõ và đưa ra phương hướng điều chỉnh các khoản mục ghi nhận trên báo cáo tài chính (nếu có). Không mở rộng cho các mục đích khác.

Hội đồng quản trị thông qua ghi nhận các nội dung trên để làm cơ sở đánh giá, lập Báo cáo Tài chính năm 2020 và theo dõi thực hiện nội dung trên cho các năm sau.

Biên bản họp này được thông qua vào lúc 10 giờ cùng ngày.

Thư ký

(Ký, ghi rõ họ tên)



MAI LỆ THỦY

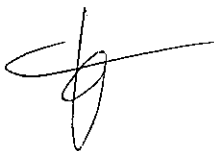
Chủ tịch HĐQT

(Ký, ghi rõ họ tên)

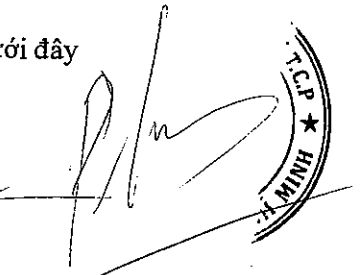
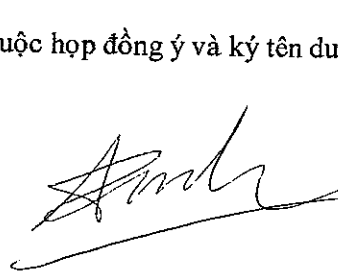


TRẦN THÁI BÌNH

Các thành viên tham dự cuộc họp đồng ý và ký tên dưới đây



Nguyễn Văn Trường



Nguyễn Tuấn Anh

Đặng Minh Phương